

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29-3-2024

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Công Nhận

2. Bà Bùi Thị Vân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Thuỳ Dương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 398/2023/TLST-HNGĐ ngày 06/12/2023 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/3/2024, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Anh Lê Văn S, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn V, xã H, Thanh Hà, Hải Dương.

* **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm 1997

ĐKTT: Thôn V, xã H, Thanh Hà, Hải Dương

Hiện ở: Thôn 9, xã L, huyện Y, tỉnh Yên Bái.

* **Người làm chứng:**

- Bà Hoàng Thị P, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn 9, xã L, huyện Y, tỉnh Yên Bái.

- Bà Dương Thị N, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn V, xã H, Thanh Hà, Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn và lời khai của nguyên đơn thể hiện: Anh S và chị T kết hôn vào ngày 06/9/2018 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Từ tháng 3/2023 chị T đã bỏ về nhà đẻ ở và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Hiện anh xác định không còn tình cảm gì với chị T nên đề nghị TAND huyện Thanh Hà giải quyết cho anh ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là Lê Thuỷ A, sinh ngày 11/2/2019. Hiện nay cháu An đang ở với mẹ. Khi ly hôn do con còn nhỏ nên anh nhất trí để chị T nuôi con chung, chị T không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con, anh cũng nhất trí.

Về tài sản, công sức, nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày ý kiến về việc đăng ký kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng và nguyên nhân mâu thuẫn, về con chung như Anh S đã trình bày nêu trên. Nay chị xác định không còn tình cảm với Anh S nên nhất trí ly hôn với Anh S. Chị xin nuôi con chung và tự nguyện không yêu cầu Anh S cấp dưỡng nuôi con, hiện con chung đang ở với chị. Về tài sản, công sức, nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Lời khai của người làm chứng là Hoàng Thị P (mẹ đẻ chị T) và bà Dương Thị N (mẹ đẻ Anh S) thể hiện: Quá trình chung sống, vợ chồng Anh S, chị T có mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra xô xát, vợ chồng đã sống ly thân từ lâu. Đề nghị giao con chung cho chị T nuôi dưỡng do con chung còn nhỏ tuổi, cần sự chăm sóc của người mẹ. Ngoài ra, bà Phi trình bày bà sẽ tạo điều kiện để mẹ con chị T có chỗ ở ổn định, lâu dài, đồng thời sẽ hỗ trợ chị T trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc cho cháu An.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do các đương sự đều vắng mặt tại phiên họp hòa giải và trước đó họ đã có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp

dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, 228, 229, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân, xử Anh S ly hôn với chị T. Về con chung: Giao con chung là Lê Thuỷ A, sinh ngày 11/2/2019 cho chị T nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu Anh S cấp dưỡng nuôi con. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Tại phiên toà, nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng vắng mặt nhưng trước đó họ đã đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt họ. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng theo quy định tại Điều 227, 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh S, chị T có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ lời khai của các đương sự và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy: Trong quá trình chung sống, vợ chồng Anh S, chị T đã nảy sinh mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai. Nay anh chị đều xác định không còn tình cảm vợ chồng nên Anh S xin ly hôn, chị T đồng ý ly hôn. Như vậy tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử Anh S ly hôn với chị T là phù hợp với ý chí của các đương sự cũng như phù hợp với quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. *Về con chung:* Vợ chồng Anh S, chị T có 01 con chung là Lê Thuỷ A, sinh ngày 11/2/2019. Nay chị T xin nuôi con, Anh S nhất trí giao con cho chị T nuôi dưỡng; chị T có việc làm và thu nhập ổn định, có đủ điều kiện để nuôi con. Vì vậy cần giao con cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật cũng như phù hợp với ý chí của các bên đương sự. Chị T không yêu cầu Anh S cấp dưỡng nuôi con, xét đây là ý chí tự nguyện của đương sự, cần được chấp nhận.

[4]. *Về tài sản, công sức, nợ chung:* Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không xem xét.

[5]. *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử anh Lê Văn S ly hôn chị Nguyễn Thị Lệ T.

2. Về con chung: Giao con chung là Lê Thuỷ A, sinh ngày 11/2/2019 cho chị T nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên. Chấp nhận tự nguyện của chị T không yêu cầu Anh S cấp dưỡng nuôi con.

Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh S phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000974 ngày 05/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; Anh S đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã H, Thanh Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nhung